

Bản án số: 97/2019/LĐ-ST

Ngày 21/11/2019

V/v: “*Tranh chấp đòi tiền bảo hiểm xã hội*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIÊU, TP ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* - Ông **Trần Hữu Vinh**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  - + Ông **Nguyễn Công Chi** – Chức vụ: Cán bộ hưu trí
  - + Ông **Hà Thúc Liêu** – Chức vụ: Trưởng phòng LĐ TB và XH quận Liên Chiểu.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản:* Bà **Trần Ngô Khánh Loan**.
- *Đại diện VKSND quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Ái Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST-LĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp đòi tiền bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXX - ST ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2019/QĐ – LĐST ngày 05/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị A** – sinh năm 1992; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị Ngọc O** – sinh năm 1980; Trú tại: Tổ 19, phường H, quận C, TP Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã Đại Cường ngày 04.6.2019), có mặt.

- Bị đơn: **Công ty TNHH MTV T**; địa chỉ: Đường số 06, khu công nghiệp H, quận L, TP Đà Nẵng.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông **K** – Chức vụ: Giám đốc; trú tại: 6 N, G, Seoul, Hàn Quốc. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ**; địa chỉ: Số 43 đường X, quận H, TP Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đình Văn H** – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Anh H** – Chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý thu (Theo giấy ủy quyền số 1983/BHXH-QLT ngày 25.11.2019). Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị A và đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Ngọc O trình bày:***

Bà Đỗ Thị A vào làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 10 tháng 5 năm 2016, tổng thời gian làm việc là 02 năm, 02 tháng (tính đến 30/7/2018) theo HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm, số 50/2017/HĐLĐ-L2 ngày 10/6/2017, Phụ lục HĐLĐ số 270/2018/PL ngày 30/12/2017, tiền lương là 3,966,000đ/tháng (Công nhân may công nghiệp). Từ ngày 01/8/2018 đến nay, ông K, quốc tịch Hàn Quốc, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV T không có mặt tại trụ sở làm việc, không thực hiện các thỏa thuận về tiền lương và BHXH, BHYT cho bà theo HĐLĐ và các quy định của pháp luật hiện hành. Đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T phải trích nộp cho cơ quan BHXH là 20,214,779 đ mà Công ty không thực hiện theo quy định pháp luật BHXH trong thời gian làm việc.

***\* Bị đơn - Công ty TNHH MTV T (Đại diện theo pháp luật: Ông K – Chức vụ: Giám đốc) đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.***

***\* Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đ – Đại diện theo ủy quyền là ông Trần Anh H trình bày:***

Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà Đỗ Thị A từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 với tổng số tiền gốc là 18,185,442 đồng. Ngoài ra do Công ty chậm đóng bảo hiểm xã hội nên phải chịu tiền lãi từ tháng 01.2017 đến tháng 7.2018 là 2,029,337 đồng. Tổng nợ gốc và lãi Công ty còn nợ là 20,214,779 đồng. Việc tính lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội năm 2017 thực hiện theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 15,8%/năm (1,317%/tháng); lãi chậm đóng Bảo hiểm xã hội năm 2018 thực hiện theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2018 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 14,5%/năm (1,2084%/tháng).

Việc người lao động khởi kiện yêu cầu Công ty đóng tiền bảo hiểm xã hội còn nợ là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T đóng số tiền bảo hiểm xã hội còn nợ cho Bảo hiểm xã hội thành phố Đ. Do Công ty TNHH MTV T ngừng hoạt động nên Bảo hiểm xã hội thành phố Đ chỉ tính lãi chậm đóng đến tháng 7.2018, không tiếp tục tính lãi đến thời điểm xét xử cũng như giai đoạn thi hành án sau này.

***\* Đại diện VKSND quận Liên Chiểu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Đối với người tiến hành tố tụng và HĐXX chấp hành đúng theo các quy định của BLTTDS. Về đương sự, nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành các quy định của pháp luật trong các phiên hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối chất cũng như tham gia tố tụng tại các phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- **Về tố tụng:** Bị đơn – Công ty TNHH MTV T được thành lập và hoạt động theo Luật Việt Nam. Hiện nay, đang có trụ sở tại: Đường số 6, KCN H, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp về việc tiền lương cũng như bảo hiểm xã hội giữa Công ty và bà Đỗ Thị A. Ngoài ra, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông K đã xuất cảnh khỏi Việt Nam. Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông K không có mặt tại Tòa án cũng như ủy quyền lại cho người khác để tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm xét xử vắng mặt đại diện của Công ty.

- **Về nội dung:**

Bà Đỗ Thị A vào làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 10 tháng 5 năm 2016, tổng thời gian làm việc là 02 năm, 02 tháng (tính đến 30/7/2018) theo HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm, số 50/2017/HĐLĐ-L2 ngày 10/6/2017, Phụ lục HĐLĐ số 270/2018/PL ngày 30/12/2017. Do đó, hợp đồng lao động giữa bà Đỗ Thị A và Công ty ký kết là đúng theo quy định pháp luật, có hiệu lực pháp luật và thuộc loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn với mức lương thỏa thuận bà Đỗ Thị A được hưởng trước khi Công ty chấm dứt hoạt động là: 3,966,000 đồng.

Theo Công văn số 19/2018-BC ngày 30.7.2018 về việc báo cáo nhanh tình hình ngừng việc tập thể, đình công tại Công ty TNHH MTV T của bà Lê Thị Kiều C và Công văn số 1099/BQL-KHTH ngày 31.7.2018 về việc báo cáo tình hình ngừng việc tập thể tại Công ty TNHH MTV T của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV T không còn hoạt động sản xuất từ ngày 21/7/2018 và ông K đã xuất cảnh khỏi Việt Nam từ ngày 12/7/2018. Theo quy định khoản 1 Điều 186 Bộ luật Lao động, Điều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hằng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Việc Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 cho bà Đỗ Thị A là trái quy định của pháp luật nên cần phải buộc Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội với số tiền 20,214,779 đồng; trong đó tiền gốc: 18,185,442 đồng và tiền lãi: 2,029,337 đồng.

Do Công ty TNHH MTV T ngừng hoạt động, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ và nguyên đơn không tiếp tục tính lãi chậm đóng BHXH phát sinh từ tháng 8.2018 nên HĐXX không xem xét.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 20,214,779 đồng x 3% = 606,443 đồng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: - Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 47, Điều 90, Điều 96, Điều 186, Điều 201 của Bộ luật Lao động;

- Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp đòi tiền bảo hiểm xã hội” của bà Đỗ Thị A.

Xử:

- Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà Đỗ Thị A tại Bảo hiểm xã hội thành phố Đ trong thời gian từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 với số tiền 20,214,779 đồng; trong đó: gốc là 18,185,442 đồng và lãi là 2,029,337 đồng.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Án phí lao động sơ thẩm là 606,443 đồng Công ty TNHH MTV T phải chịu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Vinh**